

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình - ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Huỳnh Văn Kiều

Ông Trần Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 201/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Lê Thị Thu T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà B, Tổ D, Khóm E, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn Anh D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà B, Tổ D, Khóm E, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2024, nguyên đơn Lê Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh D kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 01/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không kéo dài, Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Anh D có 01 con chung là Nguyễn Lê Anh V, sinh ngày 20/9/2009. Hiện nay, con chung đang sống cùng mẹ là chị Lê Thị Thu T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê Anh V. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Anh Nguyễn Anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Lê Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh D và yêu cầu được nuôi con chung, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Anh D có địa chỉ tại Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Nguyễn Anh D đã

được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh D kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 01/8/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Chị Lê Thị Thu T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Anh D vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt, không có văn bản trình bày kiến. Xét thấy, anh D không thể hiện ý muốn hàn gắn, quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh D có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh D có 01 con chung là Nguyễn Lê Anh V, sinh ngày 20/9/2009. Hiện nay, con chung Nguyễn Lê Anh V đang sống cùng chị Lê Thị Thu T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê Anh V. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có ý kiến về con chung và vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh D không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con chung. Từ khi chị T và anh D không sống chung đến nay con chung đều sống chung và gần gũi với chị T ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, con chung Nguyễn Lê Anh V có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị Lê Thị Thu T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao con chung Nguyễn Lê Anh V, sinh ngày 20/9/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Lê Anh V, sinh ngày 20/9/2009; Anh D không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu T. Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu T. Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh D có 01 con chung là Nguyễn Lê Anh V, sinh ngày 20/9/2009; giao con chung tên Nguyễn Lê Anh V, sinh ngày 20/9/2009 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị Lê Thị Thu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu

Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009652 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Lê Thị Thu T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn

Anh Nguyễn Anh D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường 6, TPCL
(số 78 ngày 01/8/2016)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thanh Thảo